

**BỘ NỘI VỤ****BỘ NỘI VỤ**

Số: 49/2005/QĐ-BNV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2005***QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ  
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ****BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ****QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 quy định quyền lập Hội;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;*

*Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;*

*Xét đề nghị của Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ, ý kiến của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam và Vụ Tổ chức phi chính phủ,*

**Điều 1.** Phê duyệt bản Điều lệ Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ đã được Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội thông qua ngày 12/5/2004.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 3.** Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

*Thứ trưởng***Đặng Quốc Tiến**

## ĐIỀU LỆ HỘI HỮU NGHỊ VIỆT NAM - ẤN ĐỘ

### Chương I

#### TÊN GỌI, MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ

**Điều 1.** Tên gọi: Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ.

**Điều 2.** Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ là một tổ chức xã hội, là thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, thực hiện theo Điều lệ của Hội, phù hợp với luật pháp hiện hành của nước CHXHCN Việt Nam và tôn chỉ mục đích của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Mục đích của Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ là góp phần tăng cường sự hiểu biết giữa nhân dân hai nước, củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác thân thiện nhiều mặt giữa hai nước. Đối tác chính của Hội là các tổ chức hữu nghị Ấn Độ - Việt Nam, đồng thời Hội phát triển quan hệ rộng rãi với các tổ chức xã hội, các nhà doanh nghiệp, các nhân sĩ trí thức ở Ấn Độ vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

**Điều 3.** Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ là một tổ chức có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài chính và được mở tài khoản riêng để phục vụ cho các hoạt động của Hội.

**Điều 4.** Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ có những nhiệm vụ sau:

- Giới thiệu, thông tin cho các tầng lớp nhân dân Việt Nam về lịch sử, đất nước, con người, nền văn hóa và những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Ấn Độ cũng như về mối quan hệ truyền thống hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Ấn Độ và sự hợp tác nhiều mặt giữa hai nước.

- Cùng với các tổ chức hữu nghị Ấn Độ - Việt Nam giới thiệu, thông tin cho các tầng lớp nhân dân Ấn Độ về lịch sử, đất nước, con người, nền văn hóa và những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam, chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa của Việt Nam.

- Làm đầu mối vận động và thúc đẩy các hoạt động hữu nghị và hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, góp phần vào sự phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Ấn Độ.

- Tổ chức trao đổi các đoàn hữu nghị, trao đổi thông tin, các cuộc gặp gỡ với các tổ chức hữu nghị Ấn Độ - Việt Nam cũng như với các tổ chức xã hội, kinh tế, văn hóa của Ấn Độ nhằm thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước.

*Chương II***HỘI VIÊN**

**Điều 5.** Công dân Việt Nam tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện làm đơn xin gia nhập Hội, được Ban thường vụ Trung ương Hội chấp thuận thì được trở thành hội viên của Hội.

**Điều 6.** Hội viên có những nhiệm vụ sau đây:

- Chấp hành Điều lệ, các Nghị quyết và chủ trương của Hội.
- Tham gia đầy đủ các hoạt động và sinh hoạt của Hội.
- Đóng góp vào tài chính của Hội.

**Điều 7.** Hội viên có những quyền lợi sau đây:

- Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng, biểu quyết và thông qua các quyết định, chủ trương, chương trình hoạt động của Hội.

- Được Hội giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động nhằm mục đích góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Ấn Độ trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học kỹ thuật phù hợp với mục tiêu của Hội.

- Được tham gia bầu cử, ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.

- Được quyền tự nguyện xin ra khỏi Hội.

**Điều 8.** Khi muốn ra khỏi Hội, hội viên phải làm đơn xin ra và được Ban thường vụ Trung ương Hội chấp thuận.

*Chương III***TỔ CHỨC HỘI**

**Điều 9.** Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ hoạt động theo nguyên tắc hiệp thương, dân chủ và thống nhất hành động. Các cơ quan lãnh đạo của Hội gồm có:

- Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội.

- Ban Chấp hành Trung ương Hội.

- Ban thường vụ Trung ương Hội.

**Điều 10.** Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc họp 5 năm một lần, có nhiệm vụ thảo luận chương trình công tác nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội, thông qua Điều lệ và sửa đổi Điều lệ, thông qua các chủ trương công tác của Hội và bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội.

**1. Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.**

1.1. Ban Chấp hành Trung ương Hội bao gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, và các Ủy viên Ban Chấp hành.

1.2. Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định các chủ trương, biện pháp thi hành những Nghị quyết của Đại hội đề ra; chỉ đạo hội viên tham gia hoạt động Hội và tham gia các hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp mỗi năm một lần.

**2. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Trung ương Hội cử, bao gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, các Ủy viên Ban Thường vụ, và Tổng thư ký. Ban Thường vụ họp 6 tháng 1 lần và có trách nhiệm:**

2.1. Chỉ đạo Tổng Thư ký chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, các Nghị quyết của Ban Chấp hành, cùng với Chủ tịch Hội điều hành các kỳ họp của Ban Chấp hành.

2.2. Hướng dẫn các hội viên thực hiện các Nghị quyết của Trung ương Hội.

2.3. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên khi bị xâm phạm, giải quyết những vấn đề khó khăn của hội viên hay cơ sở Hội trong việc thực hiện Điều lệ của Hội.

2.4. Quyết định thành lập các Ban chuyên môn về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, tổ chức, thông tin và các lĩnh vực chuyên môn cần thiết khác và chỉ đạo hoạt động của các Ban chuyên môn.

**3. Tổng Thư ký do Ban Thường vụ cử, có trách nhiệm:**

3.1. Giúp Ban Thường vụ chuẩn bị nội dung các kỳ họp và triệu tập các kỳ họp.

3.2. Giúp Ban Thường vụ và Ban Chấp hành theo dõi, giúp đỡ các tổ chức thành viên thực hiện các Nghị quyết của Trung ương Hội.

3.3. Quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài liệu và tài chính của Hội.

**4. Chủ tịch Hội có trách nhiệm:**

4.1. Lãnh đạo, quản lý mọi hoạt động của Hội; cùng với Ban Thường vụ điều hành các kỳ họp của Ban Chấp hành.

4.2. Thay mặt Ban Chấp hành phối hợp với các cơ quan quản lý ngành thực hiện các hoạt động đối nội, đối ngoại của Hội. Tham gia vào các hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Các Phó Chủ tịch Hội có trách nhiệm thay mặt Chủ tịch Hội chỉ đạo từng khối công việc của Hội và thay mặt Chủ tịch Hội khi Chủ tịch vắng.

**5. Ban Chấp hành Hội ở các tỉnh, thành phố căn cứ vào những điều khoản quy định trong Điều lệ này và căn cứ vào các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội để làm cơ sở nội dung hoạt động của tổ chức mình.**

**Điều 11. Tổ chức Hội ở các địa phương**

- Ở địa phương, tùy theo yêu cầu và

điều kiện cụ thể, việc thành lập Hội sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét và quyết định thành lập.

- Trung ương Hội có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ các Hội ở các địa phương hoạt động.

- Các Hội ở địa phương chủ động trong các hoạt động theo đúng Điều lệ Hội, không trái với Nghị quyết của Trung ương Hội, hàng năm báo cáo công tác cho Trung ương Hội. Các Hội ở các địa phương phải phối hợp và chịu sự chỉ đạo của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị của địa phương mình (nếu có).

#### Chương IV

#### TÀI CHÍNH

**Điều 12.** Tài chính của Hội được xây dựng từ các nguồn sau đây:

- Hội phí hoặc đóng góp của các hội viên.

- Sự ủng hộ tài chính hợp pháp của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

- Sự hỗ trợ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

- Nguồn thu từ hoạt động gây quỹ theo đúng pháp luật của Nhà nước.

Ban Chấp hành Hội chịu trách nhiệm quản lý quỹ hoạt động của mình theo chế độ tài chính công của Nhà nước.

#### Chương V

#### KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

**Điều 13.** Những hội viên, cán bộ Hội và tổ chức cơ sở Hội có thành tích hoạt động công tác hữu nghị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hàng năm và mỗi kỳ Đại hội được Ban Chấp hành Hội xét khen thưởng.

**Điều 14.** Những hội viên, cán bộ Hội và tổ chức cơ sở Hội vi phạm Điều lệ của Hội, làm tổn thương đến danh dự của Hội, tùy theo mức độ sai lầm, có thể bị thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức hoặc khai trừ ra khỏi Hội.

Việc thi hành kỷ luật một hội viên hoặc một ủy viên Ban Chấp hành Hội do Ban Thường vụ Hội quyết định.

#### Chương VI

#### SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

**Điều 15.** Chỉ có Đại hội toàn thể hội viên hoặc Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội mới có quyền sửa đổi Điều lệ này.

Bản Điều lệ này được Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội Hữu nghị Việt Nam - Ấn Độ thông qua ngày 12/5/2004 và có hiệu lực theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt./.